**TUẦN 21**: **CHỦ ĐỀ 1: PHÂN SỐ**

**Bài 59 : RÚT GỌN PHÂN SỐ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Bước đầu nhận biết về rút gọn phân số và phân số tối giản.

- Biết cách rút gọn phân số ( trong một số trường hợp đơn giản).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách rút gọn phân số trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức cho HS xem tranh trên màn hình máy chiếu để khởi động bài học.C:\Users\Admin\Desktop\12.png-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm : Tìm phân số bằng phân số $\frac{9}{12}$ nhưng có cả tử số và mẫu số bé hơn.- Trình bày phần thảo luận.-GV chốt câu trả lời và đưa ra đáp án đúng cho bài tập trên.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát tranh.- Thảo luận N2.-3,4 N: Mỗi nhóm đưa ra các câu trả lời khác nhau.-HS lắng nghe. |
| **2. Hình thành kiến thức mới***:* **-** Mục tiêu: + Hiểu thế nào là rút gọn phân số.  + Biết cách rút gọn phân số .**-** Cách tiến hành: |
| **a.  *Thế nào là rút gọn phân số?***- GV cho HS xem ví dụ trên máy chiếu để hiểu thế nào là rút gọn phân số và trả lời một số các câu hỏi .+ Hai phân số $\frac{9}{12}$ và $\frac{3}{4}$ như thế nào ? + Tử số và mẫu số của phân số $\frac{3}{4}$ như thế nào với phân số $\frac{9}{12}$.+ GV nêu cầu HS nêu cách tìm và phân số bằng $\frac{9}{12}$ vừa tìm được.-GV nhận xét và chốt : Phân số $\frac{9}{12}$ đã được rút gọn thành phân số $\frac{3}{4}$ .+ 3 và 4 không cùng chia hết cho một số tự nhiên nào lớn hơn 1, nên phân số $\frac{3}{4}$ không thể rút gọn được nữa. ? Phân số $\frac{3}{4} $là phân số thế nào? ? Phân số $\frac{9}{12}$ đã được rút gọn thành phân số nào ? **b. *Cách rút gọn phân số.***- GV hỏi : Làm thế nào để rút gọn phân số?- GV chốt và đưa ra cách rút gọn phân số: + Xét xem tử số và mẫu số cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1.+ Chia cả tử số và mẫu số cho số đó.- Đọc lại cách rút gon phân số .- GV yêu cầu HS thực hiện ví dụ để áp dụng tính chất vừa học. Ví dụ : Rút gọn phân số $\frac{15}{25}$.? Em có nhận xét gì về tử số và mẫu số.- Đọc lại các bước rút gọn phân số . | - HS theo dõi và TLCH .- HS lắng nghe.-1HS : Phân số $\frac{3}{4} $là phân số tối giản. - 2HS: Phân số $\frac{9}{12}$ đã được rút gọn thành phân số tối giản $\frac{3}{4}$.- 2,3 HS trả lời.- HS theo dõi.-5,6 HS - HS làm cá nhân .- 1,2 HS- Cả lớp. |
| **3.HĐ luyện tập, thực hành:***:***-** Mục tiêu: Bước đầu biết cách rút gọn phân số và nhận biết được phân số tối giản (trường hợp đơn giản).**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc chung cả lớp**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số và cách rút gọn phân số.- GV hỏi: Muốn rút gọn phân số ta làm thế nào ? - GV yêu cầu HS làm bảng.- GV cùng HS nhận xét bài làm của HS.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- 2 HS.2,3 HSTL : Ta luôn thực hiện phép chia, khi rút gọn được phân số tối giản mới dừng lại.- Bảng con và bảng lớp.- HS theo dõi và rút kinh nghiệm.- HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV hướng dẫn phép tính mẫu.**Ví dụ :** Xét phân số : $\frac{8}{16}$Ta có $\frac{8}{16}$ = $\frac{8 :2 }{16 : 2 }$ = $\frac{4}{8}$ = $\frac{ 4 : 4 }{8 : 4 }$ = $\frac{1}{2}$ Nếu HS chỉ thực hiện một lần chia rồi dừng lại như $\frac{8}{16}$ = $\frac{8 :2 }{16 : 2 }$ = $\frac{4}{8}$ thì chưa đạt yêu cầu vì $\frac{4}{8}$ không phải là phân số tối giản.- GV yêu cầu HS làm vào vở .- GV theo dõi HS làm bài tập, kiểm tra và nhận xét bài làm.- GV có thể hướng dẫn HS hai cách rút gọn phân số :C1: Chia nhiều lần.C2: Chỉ cần chia một lần nhưng phải tìm được số chia lớn nhất. - GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2- HS theo dõi.-HS thực hiện vào vở.- HS lắng nghe.- HS lắng nghe, rút kinh nghiệm. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-** GV tổ chức vận dụng:LPHT giao lưu cùng cả lớp: Các bạn tự nghĩ ra một phân số mà các bạn thích sau đó các bạn có thể cho tôi biết phân số mà các bạn đưa ra là phân số đã tối giản hay phân số chưa tối giản.Nếu phân số chưa tối giản thì các bạn phải làm như thế nào?- HS trình bày.- LPHT nhận xét các bạn tham gia trò chơi và hỏi : Khi rút gọn phân số các bạn cần lưu ý điều gì? - GV nhận xét, tuyên dương. | - HS tham gia suy nghĩ.-HS tích cực phát biểu.- 1HSTL: Luôn thực hiện phép chia, khi rút gọn được phân số tối giản mới dừng lại . Chỉ cần chia một lần nhưng phải tìm được số chia lớn nhất.- HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 21**: **CHỦ ĐỀ 1: PHÂN SỐ**

**Bài 59 : RÚT GỌN PHÂN SỐ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

- Bước đầu nhận biết về rút gọn phân số và phân số tối giản.

- Biết cách rút gọn phân số ( trong một số trường hợp đơn giản).

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách rút gọn phân số trong bài học một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV yêu cầu HS rút gọn phân số về phân số tối giản nhất.$\frac{24}{18 }$; $\frac{35}{105 }$; $\frac{10}{50}$.- Nhận xét bài làm của các bạn .- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới | - HS làm trên bảng lớp.- 1 HS - HS lắng nghe. |
| **2.HĐ luyện tập, thực hành:***:***-** Mục tiêu: Biết cách rút gọn phân số và nhận biết được phân số tối giản (trường hợp đơn giản).**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 3: Làm việc theo nhóm 2(ý a) và cá nhân (ý b)**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- GV yêu cầu HS nhắc lại tính chất cơ bản của phân số và cách rút gọn phân số.**a/** Phân số nào trong các phân số$\frac{1}{5}$ ; $\frac{7}{6} $; $\frac{9}{16}$;$\frac{ 16}{32}$ là phân số tối giản.- HS thảo luận và trình bày.- GV hỏi: Vì sao phân số $\frac{1}{5}$ là phân số tối giản? - Tương tự với phân số $\frac{7}{6}$ và $\frac{9}{16}$.- GV cùng HS nhận xét bài làm của HS và chốt đáp án.- GV nhận xét, tuyên dương.**b/** Hãy tìm ba phân số tối giản, ba phân số chưa tối giản. Rút gọn cá phân số chưa tối giản vừa tìm được.**-**HS làm nhanh vào giấy nháp và báo cáo kết quả vừa làm được.- Nhận xét các phân số mà bạn vừa tìm được.- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- 2 HS nêu lại.- 4,5 nhóm.- 1,2 nhóm trả lời: Vì 1 và 5 không cùng chia hết cho số tự nhiên nào lớn hơn 1, nên $\frac{1}{5}$ là phân số tối giản.- 2 nhóm khác trả lời.-Đáp án: Các phân số tối giản là : $\frac{1}{5}$ ; $\frac{7}{6} $; $\frac{9}{16}$- HS lắng nghe.-Nhiều HS tham gia trả lời.-HS lắng nghe. |
| **Bài 4: Làm việc theo nhóm.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- GV yêu cầu HS quan sát tranh.C:\Users\Admin\Desktop\1.png- GV yêu cầu các nhóm thảo luận để đưa ra nhận xét cho cách làm của Thảo và Hiếu.- Các nhóm trình bày .- GV nhận xét, tuyên dương.- Tương tự với cách làm của Thảo và Hiếu hãy rút gọn phân số $\frac{30}{60}$ .- GV kiểm tra cách làm của HS.- GV nhận xét và chốt kiến thức bài. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- HS quan sát tranh.- Thảo luận N4 -HS nêu : Hiếu lần lượt thực hiện chia cả tử và mẫu cho số 2 rồi chia tiếp cho số 3. Thảo thực hiện chia cả tử và mẫu cho số 6.Hai bạn nhận được kết quả như nhau đó phân số tối giản $\frac{2}{3}$.-HS trình bày vào bảng con.-HS lắng nghe.9 |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **-**  GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 5.- HS suy nghĩ nêu cách giải quyết rồi trình bày câu trả lời .- GV nhận xét, tuyên dương. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 5.- HS suy nghĩ.Trả lời : a/ Số câu hỏi bạn Gia Hân trả lời đúng chiếm số phần của cả bài ôn tập là: 12 : 16 = $\frac{12}{16} (số câu hỏi)$ b/ Rút gọn phân số $\frac{12}{16} $ về dạng phân số tối giản ta được : $\frac{12}{16}$ = $\frac{12 : 4 }{16 : 4 }$ = $\frac{3}{4}$- HS lắng nghe. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 21**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 60: QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 - Biết cách quy đồng mẫu số hai phân số ( trường hợp đơn giản).

 - Biết thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách làm bài một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức cho HS xem tranh trên màn hình máy chiếu để khởi động bài học.C:\Users\Admin\Desktop\2.png-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm : Em hãy tìm phân số bằng phân số $\frac{1}{4}$ nhưng có cùng mẫu số với $\frac{3}{8}$ .- Trình bày phần thảo luận.-GV chốt câu trả lời và đưa ra đáp án đúng cho bài tập trên.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát tranh.- Thảo luận N2.-3,4 N: Mỗi nhóm đưa ra các câu trả lời khác nhau.-HS lắng nghe. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới.****-** Mục tiêu: Biết thế nào là quy đồng mẫu số hai phân số **.****-** Cách tiến hành: |
| **a.Ví dụ:** - GV chiếu ví dụ SGK, gọi HS đọc, xác định yêu cầu của đề.- GV hỏi : Em đã sử dụng tính chất nào để làm ví dụ trên ?- GV hướng dẫn trên bảng lớp .Ta có: $\frac{1}{4}$ = $\frac{1 x 2 }{4 x 2}$ = $\frac{2}{8}$, giữ nguyên phân số $\frac{3}{8 }$.- Các nhóm có nhận xét gì về cách làm của GV trên bảng.-GV có thể chốt : Quy đồng mẫu số hai phân số là việc áp dụng tính chất cơ bản để biến đổi hai phân số thành các phân số có mẫu số chung. | - HS đọc, xác định yêu cầu của đề.- HS trao đổi với bạn bè về cách giải quyết : Áp dụng tính chất cơ bản của phân số.- HS nhận xét: + Hai phân số $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{8 }$ đã được quy đồng mẫu số thành hai phân số $\frac{2}{8}$ và $\frac{3}{8 }$ . 8 gọi là mẫu số chung của hai phân số $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{ 8 }$.+ Mẫu số chung 8 chia hết cho mẫu số của hai phân số của hai phân số $\frac{1}{4}$ và $\frac{3}{8 }$.- HS lắng nghe. |
| **b.Cách quy đồng mẫu số hai phân số.****-** GV hỏi :Làm thế nào để quy đồng mẫu số hai phân số sau : $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{6}$.- GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và suy nghĩ cách làm ví dụ trên. -GV nhận xét, tuyên dương và chốt cách quy đồng mẫu số hai phân số. | - Cả lớp cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.HS trả lời: Khi quy đồng mẫu số hai phân số, ta làm như sau:+ Chọn mẫu số chung : Vf 6 chia hết cho 3 nên ta chọn 6 làm mẫu số chung.+ Thực hiện quy đồng mẫu số: Tìm một phân số bằng $\frac{2}{3}$ và có mẫu số là 6 . Ta có : $\frac{2}{3}$ = $\frac{2 x 2 }{3 x 2 }$ = $\frac{4}{6}$, giữ nguyên phân số $\frac{5}{6}$.Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{2}{3}$ và $\frac{5}{6}$ ta được hai phân số là $\frac{4}{6}$ và $\frac{5}{6}$.- HS lắng nghe |
| **3.HĐ luyện tập, thực hành:***:***-** Mục tiêu: Thực hiện quy đồng được mẫu số hai phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV yêu cầu HS thực hiện tìm mẫu số chung của hai phân số.- GV có thể gợi ý so sánh hai mẫu số của từng cặp phân số để nhận biết .Ví dụ : 15 chia hết cho 3 nên chọn mẫu số chung là 15.- Chia sẻ kết quả trước lớp.**-** Nhận xét bài làm của bạn. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- HS thực hiện vào trong SGK.-HS lắng nghe.- 4HS- 1,2 HS khác nhận xét. |
| -GV nhận xét, đánh giá.**Bài 2: Làm việc theo nhóm.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- GV yêu cầu HS chia sẻ về cách viết hai phân số có mẫu số chung.- Chia sẻ phần thảo luận.- Các nhóm trình bày .- GV nhận xét, tuyên dương các nhóm đưa ra cách làm đúng. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- HS thảo luận nhóm 2.- HS chia sẻ về cách viết hai phân số có mẫu số chung chính là quy đồng mấu số hai phân số.+ Vì 42 chia hết cho 6 nên ta chọn 42 làm mẫu số chung.+ Thực hiện quy đồng mẫu số :Ta có : $\frac{5}{6}$ = $\frac{5 x 7}{6 x 7}$ = $\frac{35}{42}$ và giữ nguyên phân số $\frac{11}{42}$.+ Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{11}{42}$ và $\frac{5}{6}$ ta được hai phân số $\frac{11}{42} $và $\frac{11}{42}.$-HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| -GV yêu cầu HS viêt các phân số sau đây thành các phân số có mẫu số là 10:- HS suy nghĩ và trình bày cách làm.- GV nhận xét tiết học. | - HS thực hiện yêu cầu.- HS suy nghĩ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 21**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 60: QUY ĐỒNG MẪU SỐ CÁC PHÂN SỐ (T2)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 - Biết cách quy đồng mẫu số hai phân số ( trường hợp đơn giản).

 - Biết thực hiện quy đồng mẫu số hai phân số.

- Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách làm bài một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - Nêu cách quy đồng mẫu số .- GV yêu cầu HS thực hiện: Quy đồng mẫu số hai phân số và.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - 2HS nêu.- HS thực hiện vào bảng.+ Ta thấy 6 x 2 = 12 và 12 : 6 = 2.Ta có: =  =  và giữ nguyên phân số ***.***-HS lắng nghe. |
| **2.HĐ luyện tập, thực hành:***:***-** Mục tiêu: Thực hiện quy đồng được mẫu số hai phân số.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 3: Làm việc theo nhóm (tổ).**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- GV yêu cầu các nhóm thực hiện .- Trình bày phần thảo luận.- Tương tự HS trình bày các ý còn lại.- GV uốn nắn, sửa chữa các sai sót cho HS (nếu có).Sau khi thực hành các phép tính GV có thể chốt theo quy tắc sau: Muốn quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp mẫu số chung là một trong hai mấu số của hai phân số đã cho ta làm như sau: + Xác định mẫu số chung.+ Tìm thương của mẫu số chung và mẫu số của phân số kia.+ Lấy thương tìm được nhân với cả tử số và mẫu số của phân số kia.Giữ nguyên phân số có mẫu số là mẫu số chung.-GV nhận xét, đánh giá. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 3.- Các nhóm thực hiện vào bảng nhóm.N1: $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{10}$N2: $\frac{1}{24 }$ và $\frac{1}{3}$N3: $\frac{5}{12}$ và $\frac{7}{24}$-Các nhóm trình bày .N1 : + Vì 10 chia hết cho 2 nên ta chọn 10 làm mẫu số chung.+ Thực hiên quy đồng mẫu số : Ta có : $\frac{1}{2}$ = $\frac{1 x 5}{2 x 5 }$ = $\frac{5}{10}$; giữ nguyên phân số $\frac{1}{10}$.+ Vậy quy đồng mẫu số hai phân số $\frac{1}{2}$ và $\frac{1}{10}$ ta được hai phân số $\frac{5}{10} $ và $\frac{1}{10}$.-HS lắng nghe. |
| **Bài 2: Làm việc cá nhân.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 4.- GV hỏi: Bài có mấy yêu cầu? - GV yêu cầu HS thực hiện vào vở và làm trên bảng.- GV nhận xét, đánh giá cách làm của HS.- GV nhận xét,uốn nắn sửa sai cho HS trong vở. | - 1HS đọc yêu cầu bài 4.- 2HSTL.- 1HS làm Bl ý a và ý b,c làm vào vở.a.$\frac{15}{12}$ và $\frac{27}{6}$+ Rút gọn phân số :$ \frac{15 }{12}$ = $\frac{5}{4}$ ; $\frac{27}{6}$ = $\frac{9}{2}$Chọn MSC là 4, ta có $\frac{9}{2}$ = $\frac{18}{4}$.+ QĐMS hai phân số $\frac{15}{12}$ và $\frac{27}{6}$ ta được hai phân số $\frac{5}{4}$ và $\frac{18}{4}$.- HS lắng nghe để sửa sai. |
| **3. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| **Bài 5: Làm việc theo nhóm** - HS đọc yêu cầu bài.C:\Users\Admin\Desktop\88.png- HS thảo luận nhóm và chia sẻ cách quy đồng mẫu số hai phân số.- GV nhận xét cách trình bày của các nhóm.- GV củng cố lại về quy đồng mẫu số hai phân số trong trường hợp MSC là một trong hai mẫu số của hai phân số đã cho em cần lưu ý điều gì ?- GV nhận xét tiết học. | - 1HS.- HS thảo luận N4.-HS lắng nghe.- HS trả lời: +Xác định mấu số chung.+ Tìm thương của MSC và mẫu số của phân số kia.+ Lấy thương tìm được nhân với tử số và mẫu số của phân số kia.+ Giữ nguyên phân số có mẫu số là mẫu số chung. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------

**TUẦN 21**: **CHỦ ĐỀ 3: PHÂN SỐ**

**Bài 61: SO SÁNH HAI PHÂN SỐ CÙNG MẪU SỐ (T1)**

**I. YÊU CẦU CẦN ĐẠT:**

**1. Năng lực đặc thù:**

 - Biết cách so sánh hai phân số cùng mẫu số.

 - Hiểu bản chất của phân số lớn hơn 1, bé hơn 1 và bằng 1

 - So sánh được một phân số với 1.

 - Phát triển năng lực lập luận, tư duy toán học và năng lực giao tiếp toán học.

**2. Năng lực chung.**

- Năng lực tự chủ, tự học: Chủ động thực hiện được cách làm bài một cách tự giác, tập trung.

- Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo: Có khả năng thực hiện sáng tạo khi tham gia trò chơi và vận dụng thực tiễn.

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Phát triển kĩ năng giao tiếp nghe - nói trong hoạt động nhóm.

**3. Phẩm chất.**

- Phẩm chất nhân ái: Có ý thức giúp đỡ lẫn nhau trong hoạt động nhóm để hoàn thành nhiệm vụ.

- Phẩm chất chăm chỉ: Chăm chỉ suy nghĩ, trả lời câu hỏi; làm tốt các bài tập.

- Phẩm chất trách nhiệm: Giữ trật tự, biết lắng nghe, học tập nghiêm túc.

**II. ĐỒ DÙNG DẠY HỌC**

- Kế hoạch bài dạy, bài giảng Power point.

- SGK và các thiết bị, học liệu phục vụ cho tiết dạy.

**III. HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC**

|  |  |
| --- | --- |
| **Hoạt động của giáo viên** | **Hoạt động của học sinh** |
| **1. Khởi động:**- Mục tiêu: + Tạo không khí vui vẻ, khấn khởi trước giờ học.+ Kiểm tra kiến thức đã học của học sinh ở bài trước.- Cách tiến hành: |
| - GV tổ chức cho HS xem tranh trên màn hình máy chiếu để khởi động bài học.C:\Users\Admin\Desktop\93.png-GV yêu cầu HS thảo luận nhóm : Dùng $\frac{3}{4}$ băng giấy làm hoa. Dùng $\frac{1}{4}$ băng giấy làm lá . Theo các bạn làm hoa hay làm lá hết nhiều giấy hơn.- Trình bày phần thảo luận.-GV chốt câu trả lời và đưa ra đáp án đúng cho bài tập trên.- GV nhận xét, tuyên dương.- GV dẫn dắt vào bài mới. | - HS quan sát tranh.- Thảo luận N2.-3,4 N: Mỗi nhóm đưa ra các câu trả lời khác nhau.-HS lắng nghe. |
| **2. HĐ hình thành kiến thức mới.****-** Mục tiêu Biết so sánh hai phân số có cùng mẫu số**.****-** Cách tiến hành: |
| **a.Ví dụ:** - GV chiếu ví dụ SGK, gọi HS đọc, xác định yêu cầu của đề.- GV đưa 2 băng giấy .

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

$$\frac{1}{4}$$

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  |  |  |  |

$ \frac{ 3}{4}$ - GV yêu cầu HS so sánh phần đã tô màu của hai băng giấy .+ Băng giấy thứ nhất đã tô màu mấy phần của băng giấy? + Băng giấy thứ hai đã tô màu mấy phần của băng giấy? -HS thảo luận nhóm và đưa ra cách giải quyết.- Các nhóm có nhận xét gì về cách trình bày của nhóm bạn không?  | - HS đọc, xác định yêu cầu của đề.- 2,3 HS - Các nhóm thảo luận và trình bày: $\frac{1}{ 4}$ băng giấy thứ nhất ngắn hơn $\frac{ 3}{4}$ băng giấy thứ hai.Như vậy: $\frac{1}{ 4}$ < $\frac{ 3}{4}$ hay $\frac{ 3}{4}>\frac{1}{ 4} $.- 2,3 nhóm nhận xét. |
| **b.Cách so sánh hai phân số cùng mẫu số.**- GV yêu cầu HS đọc nội dung trong SGK và TLCH .**-** GV hỏi :Muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số ta làm thế nào? . - HS thực hiện các ví dụ nêu trong SGK để củng cố kiến thức.( Có thể cho HS tự đưa ra các ví dụ bên ngoài). -GV nhận xét, tuyên dương và chốt cách so sánh hai phân số cùng mẫu số. | - Cả lớp cùng nhau suy nghĩ và đưa ra câu trả lời.- HS trả lời: :Muốn so sánh hai phân số cùng mẫu số, ta so sánh hai tử số:+ Phân số nào có tử số bé hơn thì bé hơn.+ Phân số nào có tử số lớn hơn thì lớn hơn.+ Nếu tử số bằng nhau thì hai phân số đó bằng nhau.- HS làm bài.- HS lắng nghe. |
| **3.HĐ luyện tập, thực hành:***:***-** Mục tiêu: - Thực hiện so sánh được hai phân số có cùng mẫu số.**-** Cách tiến hành: |
| **Bài 1: Làm việc cá nhân.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- GV yêu cầu HS nhắc lại cách so sánh hai phân số cùng mẫu số.- GV yêu cầu HS sử dụng chì làm vào SGK.- Báo cáo kết quả.-GV nhận xét, đánh giá. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 1.- 2 HS + ĐT.-Cả lớp thực hiện.- HS đọc nối tiếp – Lớp nhận xét. |
| **Bài 2: Làm việc theo nhóm.**- GV mời 1 HS đọc yêu cầu bài 2.a/ GV giới thiệu quy tắc thực hành so sánh với 1.- GV hỏi : Ở trên chúng ta đã giới thiệu cách so sánh hai phân số có cùng mẫu số.Bây giờ,ta có thể nêu lên một dấu hiệu chung nào đó để so sánh một phân số bất kì nào với 1 được không? - GV yêu cầu HS thảo luận nội dung trong SGK.- GV chốt thực hiện theo quy tắc sau:Phân số nào có : + Tử số bé hơn mẫu số thì phân số bé hơn 1.+ Tử số lớn hơn mẫu số thì phân số lớn hơn 1.+ Tử số bằng mẫu số thì phân số bằng 1.- HS nhắc lại quy tắc .b/So sánh các phân số với 1.-GV nhận xét, đánh giá.- Lưu ý : Với bài tập trên chỉ cần so sánh tử số và mẫu số của cùng một phân số.c/ - GV tổ chức trò chơi: Ai nhanh hơn.-GV tổ chức trò chơi để thi giữa các tổ.- GV theo dõi giữa các tổ.- GV nhận xét, đánh giá. | - 1 HS đọc yêu cầu bài 2.- HS lắng nghe.- HS nêu lần lượt các phân số.-Thảo luận nhóm 4 để rút ra quy tắc.- HS lắng nghe.-3HS + ĐT- Các nhóm làm nhanh ra giấy nháp rồi báo cáo.-HS tích cực tham gia.- 3 tổ tham gia.-HS lắng nghe. |
| **4. Vận dụng trải nghiệm .**- Mục tiêu:+ Củng cố những kiến thức đã học trong tiết học để học sinh khắc sâu nội dung.+ Vận dụng kiến thức đã học vào thực tiễn.+ Tạo không khí vui vẻ, hào hứng, lưu luyến sau khi học sinh bài học.- Cách tiến hành: |
| -GV yêu cầu HS: Hãy viết 2 phân số bé hơn 1, 1 phân số bằng 1 và 2 phân số lớn hơn 1. Sắp xếp các PS đó theo thứ tự từ bé đến lớn *.*- HS suy nghĩ và trình bày cách làm.- GV nhận xét tiết học. | - HS thực hiện yêu cầu.- HS suy nghĩ. |
| **IV. ĐIỀU CHỈNH SAU BÀI DẠY:**................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................... |

------------------------------------------------